

TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TIẾN

DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Tài khoản: 9523.4.1043393

NGUỒN KINH PHÍ: CHI THƯỜNG XUYÊN TỰ CHỦ 13

ĐVT: Nghìn đồng

MỤC CHI	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
I	<u>CHI THANH TOÁN CHO CÁ NHÂN</u>	<u>5,252,177</u>	
Mục 6000	Tiền lương	2,663,544	
6001	Lương theo ngạch bậc	2,663,544	
	<i>Số lượng: 24 Người. HS: 89.89 x 2.340.000 đ x 12 tháng</i>	2,524,111	
	<i>Tăng lương TX năm 2026</i>	120,900	
	<i>Tăng lương trước thời hạn năm 2026 (2 người)</i>	18,533	
Mục 6050	Tiền công lao động hợp đồng thường xuyên	166,075	
6051	Tiền công GV LĐHĐ thường xuyên	166,075	
Mục 6100	Phụ cấp lương	1,718,879	
6101	Phụ cấp chức vụ (9 người)	50,544	
	<i>Hệ số: 1.8 x 2.340 x 12 tháng</i>		
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	226,300	
6107	Phụ cấp độc hại hệ số 0,2 x 2.340 x 12 tháng	5,616	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề đứng lớp (35%)	916,363	
	<i>(HS lương (80.19 + HS PCVK (0.69) + HSPCCV (1.60) x 2.340 x 35% x 12 tháng</i>	916,363	
6113	Phụ cấp trách nhiệm	8,424	
	<i>(3 người: VT, TQ, Tổng phụ trách) Hệ số PCTN: 0.3 x 2.340 x 12 tháng</i>		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	488,700	
	<i>PC TNVK: Quy ra hệ số 1.14 x 2.340 x 12 tháng</i>	49,140	
	<i>PC TNNG Hệ số: 15.65 x 2.340 x 12 tháng</i>	439,452	
	<i>Tăng phụ cấp TN nghề (19 người)</i>	107,87	
6149	Phụ cấp khác	22,932	
-	<i>PC GV dạy GDTC (14 lớp x 2 tiết /tuần x 35 tuần)</i>	22,932	
Mục 6300	Các khoản đóng góp	703,679	
6301	17,5% BHXH	575,568	
6302	3% BHYT	96,084	
6304	1% BHTN	32,028	
II	<u>CHI VỀ DỊCH VỤ HÀNG HÓA</u>	<u>1,059,285</u>	
Mục 6500	TT dịch vụ công cộng	95,000	

MỤC CHI	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
6501	Tiền điện	38,000	
	<i>Tiền điện 3.800.000 đ/tháng x 10 tháng</i>		
6502	Tiền nước	7,000	
	<i>Tiền nước sạch (700.000đ/tháng) x10 tháng</i>		
6504	Tiền vệ sinh, môi trường, thuốc diệt côn trùng	50,000	
Mục 6550	Cung ứng văn phòng	44,600	
6551	Văn phòng phẩm	26,400	
-	<i>Chi mua giấy in, giấy phô tô, bì sổ, VPP khác: 2.200.000 đ/ tháng x12 tháng</i>		
6553	Khoán văn phòng phẩm	18,200	
	<i>26 người x 70.000 đ/ tháng x 10 tháng</i>		
Mục 6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	14,356	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	4,356	
6657	Các khoản thuê mướn khác	10,000	
	<i>Thuê in phòng bạt tổ chức hoạt động GDNG lên lớp (4.1m x 8.2m x 70.000đ/m2 x 6 lần)</i>		
Mục 6750	Chi phí thuê mướn	96,700	
6557	Thuê lao động trong nước	86,700	
	Bảo vệ	48,000	
	Lao công	38,700	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	10,000	
Mục 6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	80,129	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	54,200	
	<i>Mua, sửa chữa máy vi tính đường mạng, ... các phòng làm việc, phòng học</i>	9,200	
	<i>Thiết bị công nghệ, wifi,...</i>	40,000	
	<i>Gia hạn chữ ký số</i>	3,500	
	<i>Phần mềm xuất hóa đơn điện tử</i>	1,500	
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	13,000	
-	<i>Sửa chữa máy in, đồ mướn, ... các phòng làm việc</i>	13,000	
6921	Đường điện, cấp thoát nước	12,929	
	<i>Sửa chữa đường điện - nước, thiết bị điện- nước</i>	12,929	
Mục 6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	621,000	
	- Mua điều hòa	132,000	
	- Mua bàn ghế (dạng bán trú)	108,000	
	- Trang trí cột thư viện, sân trường	28,000	
	- Khung chữ mái nhà	22,000	
	- Bảng trượt	60,000	

MỤC CHI	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
	- Bảng biểu tuyên truyền, trang trí phòng học bộ môn, phòng truyền thống, phòng Hội đồng	20,000	
	- Ốp tường nhựa phòng học, Hội đồng	251,000	
Mục 7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	107,500	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	67,000	
	- Mua sách, thiết bị, đồ dùng	20,000	
	- Hội khỏe phù đồng các cấp	15,000	
	- Bảo hiểm, thiết bị PCCC	32,000	
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	1,500	
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	10,000	
	Công tác thay sách		
7049	Chi khác	29,000	
-	Chi chuyên đề 3 tổ x3 CD x 300.000 đ/CD	2,700	
	Chi chuyên đề cấp cụm 500.000 đ/CD	500	
	Chi chuyên đề cấp TP 1.000.000 đ/CD	1,000	
-	SKKN cấp cơ sở : 300.000 đ/SK	1,500	
-	SKKN cấp TP: 500.000 đ/SK	500	
-	GV cốt cán tập huấn theo modul theo CV của Sở (1.200.000đ /modun) x 3	3,600	
-	Chi hoạt động CM khác	19,200	
	+ In giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Tiểu học, giáo viên dạy giỏi cấp trường	2,500	
	+ Chi cho công tác tuyển sinh	4,000	
	+ Động viên giáo viên tham gia thi GVĐG cấp xã	3,000	
	+ Động viên giáo viên tham gia thi GVĐG cấp TP	1,000	
	+ Chi hỗ trợ Hội đồng nghiệm thu chất lượng lớp 5	1,500	
	+ Chi khen thưởng học sinh đạt danh hiệu cuối năm	7,200	
III	CÁC KHOẢN CHI KHÁC	51,200	
Mục 7750	Chi khác	51,200	
7799	Chi các khoản khác	51,200	
-	Chi tiếp khách	17,000	
-	Chi trực tết	9,200	
-	Cắt tỉa cành cây to, mua cây xanh	25,000	
	Tổng cộng	6,362,662	

Gia Lộc, ngày 14 tháng 01 năm 2026

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Lý

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Thúy